

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 5 - 2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Phạm Thị Châu

Ông: Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1010/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn D - Sinh năm: 1997

Số CCCD: 038097010190

Địa chỉ: Thôn NT, xã NA, tỉnh TH.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H - Sinh năm 2000

Số CCCD: 038300025657

Địa chỉ: Thôn NT, xã NA, tỉnh TH

Tại phiên tòa vắng mặt anh D và chị H, anh Lê Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê Thị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, về chung sống với nhau từ năm 2017, do không hiểu

biết pháp luật nên mãi đến ngày 28/02/2019 anh và chị H mới đến UBND xã NA, tỉnh TH để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân trở nên bế tắc, không có hạnh phúc, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ đầu năm 2022 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, cũng từ đó cho đến nay anh và chị H sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Lê Thị H có 01 con chung là Lê Minh D; sinh ngày 15/8/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cháu D ở ổn định với anh. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cháu Lê Minh D cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ chị Lê Thị H để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh D nhưng chị H không có mặt nên không có lời khai của chị H và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị H thực hiện không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35 khoản 4 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Lê Thị H, vợ chồng có 01 con chung Lê Minh D; sinh ngày 15/8/2017. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Lê Minh D cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Anh D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với Lê Thị H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Lê Thị H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị Lê Thị H đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng chị H không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ chị Lê Thị H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn không có mặt mà không có lý do. Anh Lê Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh Lê Văn D và chị Lê Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2019 tại UBND xã NA, tỉnh TH nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, điều này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã triệu tập chị H lên làm việc để tiến hành hòa giải, để chị H được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng chị H không có mặt, thể hiện chị H có ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cũng kéo dài từ năm 2022 cho đến nay như vậy hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Đến thời điểm hiện tại anh D vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh D và chị H đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Lê Thị H.

[3] Về con chung: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H có 01 con chung Lê Minh D; sinh ngày 15/8/2017. Từ khi vợ chồng ly thân cháu D ở ổn định với anh D. Ly hôn anh D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường về mọi mặt của con, cũng theo nguyện vọng của con nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn D, giao cháu D cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, cản trở là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối ca.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu

người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên anh D xác định anh đủ điều kiện để nuôi con mà không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Lê Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị H không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc anh Lê Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147; 227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản.

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Căn cứ: Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh D; sinh ngày 15/8/2017 cho anh Lê Văn D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Chị Lê Thị H được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000736 ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, anh Lê Văn D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh D và chị H. Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã NA, tỉnh TH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Châu

Lê Văn Bình

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Kim Bình

Phạm Thị Diệu

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hòa

Phạm Xuân Thành

